TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thành Viên.
Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1235/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1974, địa chỉ: Quang Trung, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1973, địa chỉ: Phan Huy Ích, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/09/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chí H kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có một con chung là Nguyễn Trần Kim K, sinh năm 2005. Hạnh phúc gia đình kéo dài khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Hai người đã sống ly thân được 03 năm. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có.

Ngày 07/01/2025, bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Chí H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Chí H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn ông H cư trú tại quận G, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, theo qui định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Nguyên đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường MH, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông H, bà H ngày 15/03/2005

đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H vì tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng đã hết.

Ông H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng ông H vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà H. Điều này thể hiện ông H không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà H và ông H đã sống ly thân được 3 năm. Nay bà H kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Trần Kim K, sinh năm 2005, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà H chịu.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Chí H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Chí H (Giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường MH, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông H, bà H ngày 15/03/2005 không còn giá trị).

- Về con chung: Nguyễn Trần Kim K, sinh năm 2005, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà H chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0014626 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- UBND p12, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tô Văn Mạnh